TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09 – 9 – 2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Bình Hoà;

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung.

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thảo Vy – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 179/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2025/QĐXXST-HNGĐngày 11/8/2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 09/2025/QĐST-HNGĐngày 29/8/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1971, CCCD số 074171009188; địa chỉ: Số C tổ E, khu phố P, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. Có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Phước T, sinh năm 1972, CCCD số 074072000747; địa chỉ: Số F, khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn là bà Nguyễn Thị B trình bày:

Bà Nguyễn Thị B và ông Huỳnh Phước T kết hôn với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), theo Giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 23/01/2007.

Tuy nhiên từ năm 2015, vợ chồng có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được và đã sống ly thân nhau từ đó đến nay. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài.

Vì vậy, bà Nguyễn Thị B yêu cầu Toà án giải quyết các yêu cầu như sau đối với ông Huỳnh Phước T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Phước T.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị B và ông Huỳnh Phước T có 02 con chung là cháu Huỳnh Tâm Đ, ngày sinh 01/01/2007 và Huỳnh Tâm H, sinh ngày 29/8/2009. Sau khi ly hôn, bà B đề nghị giao con chung Huỳnh Tâm H cho ông Huỳnh Phước T trực tiếp nuôi dưỡng, do hiện nay con chung đang chung sống ổn định cùng ông T. Đối với con chung Huỳnh Tâm Đ, ngày sinh 01/01/2007 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về cấp dưỡng: Bà Nguyễn Thị B không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Tại Biên bản lấy lời khai, ông Huỳnh Phước T trình bày:*

Ông Huỳnh Phước T xác định ông T và bà Nguyễn Thị B là vợ chồng hợp pháp, có tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định. Nay bà B yêu cầu được ly hôn thì ông T đồng ý ly hôn với bà B vì vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm.

Về con chung ông T thống nhất vợ chồng có 02 con chung là Huỳnh Tâm Đ, ngày sinh 01/01/2007 và Huỳnh Tâm H, sinh ngày 29/8/2009. Sau khi ly hôn, ông T thống nhất việc ông T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Huỳnh Tâm H. Vì hiện nay con chung đang chung sống cùng ông T. Đối với con chung Huỳnh Tâm Đ, ngày sinh 01/01/2007 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung ông T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngoài ra, ông T đề nghị Toà án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T. Vì lý do bận việc không thể tham gia phiên toà.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Quá trình thu thập chứng cứ, hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ và tống đạt văn bản tố tụng được Tòa án thực hiện đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà B và ông T chung sống như vợ chồng và có tiến hành đăng ký kết hôn với nhau theo quy định. Nay do mâu thuẫn đã trầm trọng, hai vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nguyên đơn, bị đơn đều xác định không còn tình cảm vợ chồng và thống nhất ly hôn. Vì vậy, yêu cầu về việc xin ly hôn của bà B đối với ông T là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung, bà B và ông T có 02 con chung là Huỳnh Tâm Đ, ngày sinh 01/01/2007 và Huỳnh Tâm H, sinh ngày 29/8/2009. Sau khi ly hôn, bà B thống nhất việc giao cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Huỳnh Tâm H. Hiện nay con chung do ông T trực tiếp nuôi dưỡng, cháu H có nguyện vọng được chung sống cùng cha. Vì vậy, việc giao con chung cho ông T nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với con chung Huỳnh Tâm Đ, ngày sinh 01/01/2007 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét. Về cấp dưỡng nuôi con, do các bên đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nợ chung, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Thị B là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn là ông Huỳnh Phước T có địa chỉ cư trú tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn Nguyễn Thị B và bị đơn Huỳnh Phước T đều có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B và ông Huỳnh Phước T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 23/01/2007 của UBND phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và không thể hòa giải được với nhau. Hiện nay, bà B xác định bản thân không còn tình cảm và có nguyện vọng được ly hôn với chồng là ông T. Yêu cầu ly hôn của bà B được ông T đồng ý. Vì vậy, bà B yêu cầu ly hôn với ông T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng bà Nguyễn Thị B và ông Huỳnh Phước T có 02 con chung là Huỳnh Tâm Đ, ngày sinh 01/01/2007 và Huỳnh Tâm H, sinh ngày 29/8/2009. Sau khi ly hôn, bà B thống nhất việc giao cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Huỳnh Tâm H. Hiện nay con chung do ông T trực tiếp nuôi dưỡng, cháu H có nguyện vọng được chung sống cùng cha, ông T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Vì vậy, việc giao

con chung cho ông T nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với con chung Huỳnh Tâm Đ, ngày sinh 01/01/2007 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét. Về cấp dưỡng nuôi con, do các bên đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[7] Từ các nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Các Điều 28, 35, 39, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị B đối với bị đơn Huỳnh Phước T về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B được ly hôn với ông Huỳnh Phước T.

- Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Tâm H, ngày sinh 29/8/2009 cho ông Huỳnh Phước T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đối với con chung Huỳnh Tâm Đ, ngày sinh 01/01/2007 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị B và ông Huỳnh Phước T không yêu cầu.

Bà Nguyễn Thị B và ông Huỳnh Phước T đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, giáo dục con chung thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể

quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

2. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu số 0001552 ngày 27/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 15 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (02);
- Lưu: VT, HS (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Thiện